

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
Bản án số: 79/2019/HNGĐ - ST  
Ngày: 29-11-2019  
V/v: Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thương

Bà Nguyễn Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2019/ QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thùy D - Sinh năm 1982

ĐKHK: H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thành T - Sinh năm 1982

ĐKHK: H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Xóm Đ, phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI D VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thành T kết hôn với nhau vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn anh chị chung được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm cách sống khác nhau, mặt khác do anh T rệu chè không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng chửi bới, đánh đập nhau. Mâu

thuần của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn càng căng nên chị đã về bố mẹ đẻ ở từ tháng 7/2019 cho đến nay và cũng từ đó anh chị sống ly thân nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con: Anh chị có 02 con chung: Lê Trần Hòa A - SN 27/02/2007 và cháu Lê An N - SN 06/9/2011. Ly hôn chị xin được 02 nuôi cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai bị đơn anh Lê Thành T trình bày:*

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn anh đồng ý như chị D trình bày. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc cho đến tháng 7/2019 do chị D đưa con đi nơi khác ở mà không có lý do nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Anh thừa nhận trước đó thì anh chị cũng có mâu thuẫn xảy ra nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ xảy ra trong cuộc sống hàng ngày và anh có nóng tính chửi bới vợ con. Sau khi chị D bỏ đi, anh đã đến gia đình bên ngoại gặp gỡ, trao đổi để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh xét thấy mâu thuẫn của anh chị chưa đến mức phải ly hôn và nghĩ về con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con: Anh thừa nhận vợ chồng có 02 con chung như chị D trình bày. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T, về con chị thay đổi quan điểm xin được nuôi cháu Lê An N còn cháu Lê Trần Hòa A cho anh T nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T thay đổi quan điểm về hôn nhân là anh đồng ý ly hôn. Về con, anh cũng xin nuôi cháu N và giao cháu An chị D nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa ngày 08/11/2019 anh T đồng ý giao cháu N cho chị D nuôi dưỡng nếu chị D chuyển cháu N ra Thanh Hóa học và sinh sống. Sau đó, các bên đương sự đã xin tạm ngừng phiên tòa để thỏa thuận với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D xuất trình giấy chuyển trường của cháu N và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh T giữ nguyên quan điểm về hôn nhân và tài sản, công nợ nhưng không đồng ý giao cháu N cho chị D nuôi dưỡng.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử,

việc chấp hành pháp luật của đương sự, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định. Về nội D: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn và bị đơn cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Do vậy Tòa án thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về hôn nhân:** Chị Trần Thị Thùy D và anh Lê Thành T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết tại Tòa anh chị đều thừa nhận vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Qua thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: anh T và chị D chuyển từ nơi khác đến địa phương ở từ năm 2017 cho đến nay. Quá trình chị chung sống có mâu thuẫn và cãi chửi nhau. Hiện chị D đã không còn ở địa phương và anh chị đã sống ly thân nhau.

Quá trình giải quyết, ban đầu anh T không đồng ý ly hôn nhưng sau đó anh xét thấy tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn. Căn cứ Điều 55 luật HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[3] **Về con:** Anh chị có 02 con chung. Quá trình giải quyết, anh chị đều xin được 02 cháu nuôi. Sau đó, thì thay đổi quan điểm đề nghị giao mỗi người nuôi một cháu nhưng đều có nguyện vọng xin được nuôi cháu N. Nguyện vọng xin nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng. Xét thấy từ khi anh chị sống ly thân, cháu An ở với anh T còn cháu N ở với chị D. Tuy cháu An có nguyện vọng xin được ở với chị D nhưng từ khi cháu ở với anh T, anh T vẫn nuôi dưỡng cháu đảm bảo về mọi mặt. Mặt khác, cháu An đã lớn, cháu N đang còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc của mẹ hơn. Do đó giao cháu Lê Trần Hòa A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê An N cho chị D nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] **Về tài sản, công nợ:** Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị D phải chịu 300.000đ án phí DSST, căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH

**Áp dụng:** Điều 55 ; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/của Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

**Về hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy D và anh Lê Thành T.

**Về con:** Công nhận cháu Lê Trần Hòa A - SN 27/02/2007 và cháu Lê An N - SN 06/9/2011 là con chung của anh T và chị D. Giao cháu Lê Trần Hoài An cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê An N cho chị D nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T và chị D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

**Về tài sản và công nợ:** Anh chị không yêu cầu giải quyết.

**Án phí:** Chị Trần Thị Thùy D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nh<sup>ng</sup> đ<sup>ợc</sup> trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0000233 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị D đã nộp đủ án phí).

Chị D, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ .

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trần Thị Thủy**